

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 25/2018/TT-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt

Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về:

- Công trình đường ngang; giao thông tại khu vực đường ngang; việc cấp, gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bãi bỏ đường ngang trên đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng.
- Việc cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

2. Việc xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình đường sắt không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến:

1. Hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bãi bỏ, quản lý, sử dụng, bảo trì đường ngang.
2. Hoạt động giao thông tại khu vực đường ngang.
3. Xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.
4. Thông tư này không áp dụng đối với đường sắt và đường bộ trên cầu chung; nơi đường sắt giao nhau với đường bộ nội bộ phục vụ tác nghiệp của ga, cảng, bãi hàng, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đường ngang công cộng là đoạn đường bộ thuộc quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị giao nhau cùng mức với đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng và khai thác.
2. Đường ngang chuyên dùng là đoạn đường bộ chuyên dùng giao nhau cùng mức với đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng và khai thác.
3. Đường ngang có người gác là đường ngang được tổ chức phòng vệ bằng hình thức bố trí người gác.
4. Đường ngang không có người gác là đường ngang được tổ chức phòng vệ bằng cảnh báo tự động hoặc biển báo.
5. Đường ngang tổ chức phòng vệ bằng cảnh báo tự động là đường ngang bố trí phòng vệ bằng báo hiệu cảnh báo tự động, có hoặc không có cản chắn tự động.
6. Đường ngang tổ chức phòng vệ bằng biển báo là đường ngang bố trí phòng vệ bằng các biển báo hiệu.
7. Đường ngang sử dụng lâu dài là đường ngang không giới hạn thời gian khai thác kể từ khi cấp có thẩm quyền cho phép.

8. Đường ngang sử dụng có thời hạn là đường ngang chỉ được khai thác trong thời gian nhất định được cấp có thẩm quyền cho phép.
9. Chấn đường ngang là cần chắn, giàn chắn được xây dựng, lắp đặt trong phạm vi đường ngang với mục đích ngăn người, phương tiện và các vật thể khác lưu thông qua đường sắt trong một khoảng thời gian nhất định.
10. Hệ thống phòng vệ đường ngang là hệ thống liên quan đến đảm bảo an toàn giao thông, phòng ngừa tai nạn tại đường ngang bao gồm: Chấn đường ngang; cọc tiêu, hàng rào cố định; vạch kẻ đường, gờ giảm tốc, gờ giảm tốc; hệ thống biển báo hiệu đường sắt, đường bộ; đèn tín hiệu và chuông điện; tín hiệu cảnh báo đường ngang, tín hiệu ngăn đường trên đường sắt và các thiết bị khác liên quan.
11. Gờ giảm tốc là một dạng vạch sơn kẻ đường, có chiều dày không quá 6 milimét (mm), có tác dụng cảnh báo (thông qua việc gây ra tác động nhẹ lên phương tiện) cho người tham gia giao thông biết trước vị trí nguy hiểm, cần phải giảm tốc độ và chú ý quan sát để đảm bảo an toàn giao thông.
12. Gờ giảm tốc là một cấu tạo dạng hình cong, nổi trên mặt đường, có tác dụng cưỡng bức các phương tiện giảm tốc độ trước khi đi qua vị trí nguy hiểm.

Chương II

ĐƯỜNG NGANG

Mục 1

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐƯỜNG NGANG

Điều 4. Phạm vi và khu vực đường ngang

1. Phạm vi đường ngang được xác định như sau:

- a) Đoạn đường bộ, phạm vi đất dành cho đường bộ nằm trong đất hành lang an toàn giao thông đường sắt và phạm vi bảo vệ công trình đường sắt;
- b) Đoạn đường sắt, phạm vi đất dành cho đường sắt nằm trong đất hành lang an toàn đường bộ.

2. Khu vực đường ngang bao gồm:

- a) Phạm vi đường ngang;

b) Giới hạn hành lang an toàn giao thông tại khu vực đường ngang theo quy định tại Nghị định quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt.

Điều 5. Phân loại và phân cấp đường ngang

1. Phân loại đường ngang

- a) Theo thời gian sử dụng gồm: Đường ngang sử dụng lâu dài; đường ngang sử dụng có thời hạn;
- b) Theo hình thức tổ chức phòng vệ gồm: Đường ngang có người gác; đường ngang không có người gác;
- c) Theo tính chất phục vụ gồm: Đường ngang công cộng; đường ngang chuyên dùng.

2. Đường ngang được phân thành các cấp I, cấp II, cấp III theo quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

Điều 6. Vị trí đặt và góc giao cắt của đường ngang

1. Khi xây dựng mới đường ngang phải đáp ứng yêu cầu sau:

- a) Đường ngang phải đặt trên đoạn đường sắt có bình diện là đường thẳng. Trường hợp đặc biệt khó khăn mà phải đặt trên đoạn đường sắt cong, chỉ được đặt trên đoạn đường sắt cong tròn có bán kính tối thiểu 300 mét (m) và phải có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông;
- b) Đường ngang phải cách cửa hầm, mố cầu đường sắt từ 100 mét (m) trở lên;
- c) Đường ngang phải nằm ngoài cột tín hiệu vào ga;
- d) Khoảng cách giữa hai đường ngang ngoài đô thị không được nhỏ hơn 1000 mét (m);
- đ) Khoảng cách giữa hai đường ngang trong đô thị không được nhỏ hơn 500 mét (m);
- e) Trường hợp không đáp ứng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này phải được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

2. Đối với đường ngang hiện tại không thỏa mãn các điều kiện tại khoản 1 Điều này phải cải tạo, nâng cấp đáp ứng yêu cầu hoặc tạm thời duy trì nhưng phải có biện

pháp đảm bảo an toàn giao thông cho người và phương tiện giao thông qua đường ngang.

3. Góc giao cắt giữa đường sắt và đường bộ là góc vuông (90°); trường hợp địa hình khó khăn, góc giao cắt không được nhỏ hơn 45° .

Điều 7. Đường sắt trong phạm vi đường ngang

Đoạn đường sắt trong phạm vi đường ngang phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu về kỹ thuật

Kết cấu mặt đường ngang phải đặt ray hộ bánh hoặc kết cấu khác để tạo khoảng cách má trong giữa ray chính với ray hộ bánh hoặc giữa ray chính với kết cấu đó (sau đây gọi là khe ray) đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Ray hộ bánh hoặc kết cấu tạo khe ray phải đặt hết phạm vi hai vai đường bộ;

b) Chiều rộng khe ray:

Đối với đường ngang nằm trên đường thẳng hoặc đường cong có bán kính từ 500 mét (m) trở lên: Khe ray rộng 75 milimét (mm);

Đối với các đường ngang nằm trên đường cong có bán kính nhỏ hơn 500 mét (m): Khe ray rộng 75 milimét (mm) + $1/2$ độ mở rộng của đường cong theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt.

c) Chiều sâu khe ray ít nhất là 45 milimét (mm);

d) Trường hợp mặt đường bộ trong lòng đường sắt bằng bê tông nhựa phải dùng ray hộ bánh để tạo khe ray; cao độ ray hộ bánh bằng cao độ ray chính;

đ) Trường hợp mặt đường bộ trong lòng đường sắt bằng các tấm đan bê tông cốt thép, mép tấm đan sát ray chính phải có cấu tạo đặc biệt để tạo khe ray;

e) Trường hợp đặt ray hộ bánh quy định tại điểm a khoản này, đầu ray được xử lý như sau:

Hai đầu ray được uốn vào phía trong lòng đường sắt. Chiều dài đoạn đầu ray hộ bánh được uốn là 500 milimét (mm), khe ray tại vị trí bắt đầu uốn theo quy định tại điểm b khoản này, khe ray tại vị trí cuối cùng của ray là 250 milimét (mm).

Tại vị trí điểm bắt đầu uốn và vị trí cuối cùng của ray hộ bánh phải được liên kết chặt chẽ với tà vẹt;